

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HS – ST

Ngày: 09 – 10 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Khương Thị Thanh

2. Ông Nguyễn Quang Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

- Đại diện VKSND huyện T1, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà G – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2019/TLST – HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST – HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ – Sinh ngày: 13/4/2003 tại xã H, huyện T1, tỉnh T; HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện T1, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Ng – Sinh năm: 1969 và bà: Nguyễn Thị Nh – Sinh năm: 1973;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 09/4/2019 bị Công an huyện T1, tỉnh T xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức Cảnh cáo.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” – Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Mai Thùy K – Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 7, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T

*** Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị G – Sinh năm: 1964; Trú tại: Thôn L, xã H, huyện T1, tỉnh T.

*** Người có Ng vụ liên quan:** Chị Hoàng Thị Ch – Sinh năm: 1979; Trú tại: Thôn L1, xã H, huyện T1, tỉnh T.

*** Người làm chứng:**

Chị Nguyễn Thị Thanh – Sinh năm: 1984; Trú tại: Thôn Nam Hải, xã H, huyện T1, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 23h ngày 19/6/2019 Nguyễn Văn Đ đã đột nhập vào nhà chị G – Sinh năm 1964 (ở thôn L, xã H, huyện T1) qua lan can tầng hai đi vào phòng ngủ lục tìm nhưng không thấy tài sản gì. Đ tiếp tục đi xuống phòng ngủ tầng một. Cửa mở, Đ đi vào trong lục tìm tài sản thì thấy có 01 cái chìa khoá cửa kết sắt nên đã lấy chìa khoá mở chiếc kết sắt đang để dưới đất phía chân giường ngủ. Thấy trong kết có 01 chiếc nhẫn hình tròn, màu vàng Đ lấy ra để lên giường rồi khoá kết sắt lại. Đ tiếp tục lục tìm tài sản thì thấy phía dưới gầm giường có 01 chiếc túi bóng màu đen, Đ kéo ra kiểm tra thì thấy bên trong có nhiều cọc tiền mệnh giá 100.000^d (*Một trăm nghìn đồng*) và 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) được buộc lại với nhau bằng dây chun. Số tiền này là tiền bán hàng của chị G được chị Hoàng Thị Ch – Sinh năm 1979 (trú tại thôn L1, xã H, huyện T1), là nhân viên sổ sách của chị H mới thu tiền hàng về cho chị H.

Đ lấy ra 04 cọc tiền mệnh giá 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) và 03 cọc tiền mệnh giá 100.000^d (*Một trăm nghìn đồng*). Số còn lại Đ bỏ vào túi bóng màu đen đã đựng tiền trước đó rồi để vào chỗ cũ ở gầm giường. Đ bỏ số tiền lấy được vào một cái túi bóng màu đỏ lấy ở trên giường rồi đem theo đi ra khỏi nhà theo lối đã đi vào, chiếc nhẫn vàng lấy từ trong kết sắt Đ bỏ lại trên giường.

Khi đi đến Hội trường thôn L, xã H, huyện T1, Đ lấy số tiền trộm cắp được đem ra kiểm tra và đếm được 110.000.000^d (*Một trăm mười triệu đồng*), Đ lấy số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*) cất dấu vào người, còn số tiền 100.000.000^d (*Một trăm triệu đồng*) Đ bỏ vào túi bóng màu đỏ rồi đem giấu vào bên trong Nhà văn hoá thôn L, xã H, sau đó Đ đem số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*) về nhà mình cất giấu.

Đến ngày 20/6/2019 khi được Cơ quan CSĐT Công an huyện T1 triệu tập đến làm việc, biết không thể trốn tránh pháp luật, Đ đã khai báo hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền 110.000.000^d (*Một trăm mười triệu đồng*) cho Cơ quan CSĐT.

*** Về vật chứng của vụ án:**

Ngày 28/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện T1 đã ra Quyết Đ xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chị Hoàng Thị Ch số tiền 110.000.000^d (*Một trăm mười triệu đồng*). Chị Ch đã nhận lại tài sản và trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị G. Chị H và chị Ch đều không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự.

Bản cáo trạng số 95/CT – VKSTG ngày 03/9/2019 của VKSND huyện T1, tỉnh T đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội "trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

**Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; các Điều 90; 91; khoản 1 Điều 101; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là từ 24 tháng đến 30 tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về phần dân sự và xử lý vật chứng, đã được xử lý trong quá trình điều tra theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do vậy, đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

**Quan điểm của bà Mai Thùy K trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ đề nghị HĐXX xem xét cụ thể:*

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người chưa thành niên phạm tội nên thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định. Bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng.

- Bị cáo có tuổi đời còn rất trẻ, tính đến thời điểm phạm tội bị cáo mới được 16 tuổi 02 tháng 06 ngày. Bị cáo lại mới chỉ học đến lớp 7 thì bỏ học, vậy nên khả năng nhận thức Pháp luật còn hạn chế, không nhận thức hết được tính nguy hiểm hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được Pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngay sau khi hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền đã trộm cắp cho CQĐT để trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Gia đình bị cáo cũng đã đến gặp gỡ và xin lỗi người bị hại. Bị hại đã có đề nghị xin được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để làm tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các Điều 90; 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là từ 18 tháng đến 20 tháng tù để bị cáo thấy được tính KHn hồng của Pháp luật.

- Do bị cáo chưa đủ 18 tuổi, không có việc làm và thu nhập ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Bị cáo thống nhất với tội danh mà VKSND huyện T1 truy tố, không có tranh luận gì.

NHẬN ĐCỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan CSĐT Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết Đcủ cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 19/6/2019 tại thôn L, xã H, huyện T1, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi trộm cắp tài sản của chị G – Sinh năm 1964; Trú tại thôn L, xã H, huyện T1, tỉnh T, số tiền 110.000.000^d (*Một trăm mười triệu đồng*).

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cũng như lời khai tại CQĐT, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có nghĩa vụ liên quan và của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện VKSND huyện T1, tỉnh T thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây Hng mang cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng lại sớm bỏ học, lêu lổng và đua đòi với chúng bạn xấu. Bị cáo lười lao động nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài một cách dễ dàng nên đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác (trước khi phạm tội, đã bị Công an huyện T1, tỉnh T ra Quyết Đxử phạt hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” cũng về hành vi trộm cắp tài sản). Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết và cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa Ch.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 09/4/2019 bị Công an huyện T1, tỉnh T xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức Cảnh cáo. Qua đó để thấy rằng bị cáo coi thường pháp luật và việc để bị cáo ở nhà cho gia đình và chính quyền địa

phương quản lý, giáo dục là không còn tác dụng . Do vậy, việc áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

Song, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại cũng đã có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy Định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được tính khoan hồng của Pháp luật. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[5] Về dân sự và xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong quá trình điều tra theo đúng quy Định của Pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng". Tuy nhiên, do bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, HĐXX quyết Định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các Điều 90; 91; khoản 1 Điều 101; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, vắng mặt người bị hại. Tuyên bố bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết Định được thi hành theo quy Định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy Định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh T
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có Ng vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Nga